

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Thanh Hà
(thị trấn Thanh Hà mở rộng), huyện Thanh Hà,
tỉnh Hải Dương đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 và các quy định hiện hành khác có liên quan;

- Căn cứ Công văn số 3876/BXD-QHKT ngày 05/7/2024 của Bộ Xây dựng về việc ý kiến nội dung đồ án Quy hoạch chung thị trấn Thanh Hà (mở rộng), huyện Thanh Hà đến năm 2035;

Theo đề nghị của UBND huyện Thanh Hà tại Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 13/8/2024 và Báo cáo thẩm định số 196/BC-SXD ngày 16/8/2024 của Sở Xây dựng về Quy hoạch chung đô thị mới Thanh Hà (thị trấn Thanh Hà mở rộng), huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đến năm 2045.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung đô thị mới Thanh Hà (thị trấn Thanh Hà mở rộng), huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đến năm 2045, với những nội dung chính như sau:

I. Hồ sơ

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung đô thị mới Thanh Hà (thị trấn Thanh Hà mở rộng), huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đến năm 2045.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: UBND huyện Thanh Hà.

3. Đơn vị tư vấn: Trung tâm quy hoạch đô thị và nông thôn - Sở Xây dựng Hải Dương.

4. Hồ sơ: gồm 11 bản vẽ, thuyết minh, quy định quản lý theo đồ án quy hoạch và các văn bản liên quan kèm theo.

II. Nội dung quy hoạch

1. Vị trí, quy mô quy hoạch:

1.1. Vị trí, ranh giới: Ranh giới nghiên cứu quy hoạch trên toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Thanh Hà và xã Thanh Khê. Ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp các xã: Cẩm Chế, Tân Việt, Liên Mạc;
- Phía Nam giáp các xã: An Phượng, Thanh Sơn, Thanh Thủy;
- Phía Đông giáp xã Thanh Xá;
- Phía Tây giáp các xã: Tân An, Thanh Hải.

1.2. Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch: khoảng 903,07ha.

1.3. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2023 (bao gồm dân số tự nhiên, tạm trú quy đổi): khoảng 15.113 người.

- Dự báo quy mô dân số đô thị (bao gồm dân số tự nhiên, cơ học, quy đổi):

+ Đến năm 2030 khoảng 18.337 người;

+ Đến năm 2045 khoảng 23.000 người.

2. Tính chất, chức năng, vai trò của đô thị:

- Đô thị mới Thanh Hà (thị trấn Thanh Hà mở rộng) là thị trấn huyện lỵ, nằm phía Đông tỉnh Hải Dương ven trục đường tỉnh 390, 390B; là trung tâm chính trị, văn hóa, kinh tế, giáo dục, dịch vụ, thương mại của huyện Thanh Hà.

- Đô thị mới Thanh Hà (thị trấn Thanh Hà mở rộng) là hạt nhân chính của huyện Thanh Hà và được xây dựng thành 1 trong 5 đô thị vệ tinh hỗ trợ thành phố Hải Dương phát triển. Xây dựng đô thị theo hướng đô thị nông nghiệp trọng điểm chất lượng cao của tỉnh; Có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, huyện và khu vực; là đô thị loại V trong hệ thống đô thị tỉnh Hải Dương đến năm 2030.

3. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, quy hoạch phân khu chức năng, cơ cấu sử dụng đất:

Phân vùng phát triển không gian đô thị mới Thanh Hà (thị trấn Thanh Hà mở rộng) như sau:

- Khu vực trung tâm thị trấn: Định hướng là khu vực hành chính, quảng trường, công viên trung tâm huyện và đô thị sinh thái.

- Khu vực không gian phía Bắc: Khai thác thương mại dịch vụ du lịch sinh thái và cải tạo, chỉnh trang, mở rộng các công trình trung tâm thị trấn hiện hữu.

- Khu vực không gian phía Đông dọc theo ĐT390 và đường tránh ĐT390B: Ưu tiên phát triển, mở rộng đất ở đô thị và các vùng nông nghiệp chất lượng cao để gắn với khu dịch vụ du lịch sinh thái sông Hương.

- Khu vực không gian phía Tây: Định hướng là không gian phát triển nông nghiệp sạch áp dụng công nghệ cao.

- Khu vực không gian phía Nam (Khu vực xã Thanh Khê): Ưu tiên chỉnh trang, cải tạo hạ tầng xã hội và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đảm bảo theo tiêu chí đô thị loại V và có nghiên cứu phát triển dịch vụ du lịch sinh thái.

3.1. Đất dân dụng:

a) Đất ở: gồm khu ở cũ cải tạo chỉnh trang và khu ở mới:

- Khu ở cũ: Cải tạo hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật trong khu dân cư, định hướng chỉnh trang kiến trúc cảnh quan, chỉnh trang đô thị. Nghiên cứu, quy hoạch quỹ đất ở mới (bao gồm cả trong khu dân cư hiện hữu) gắn với việc quy hoạch chi tiết, đầu tư xây dựng các trục đường mới để cải tạo, chỉnh trang kiến trúc đô thị, đảm bảo sử dụng đất hiệu quả.

- Khu ở mới:

+ Giữ nguyên quy hoạch một số khu dân cư mới đã và đang triển khai thực hiện như: Khu dân cư mới phía Đông thị trấn Thanh Hà, Khu dân cư phía Tây thị trấn Thanh Hà, Khu dân cư khu 1,2,3 thị trấn Thanh Hà, Khu đô thị sinh thái Thanh Bình, Khu dân cư mới khu 8 và khu 5, Khu dân cư mới xã Tân An và xã Thanh Khê.

+ Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch các khu ở mới tại: Khu dân cư mới xã Tân An và xã Thanh Khê (mở rộng), Khu dân cư mới phía Tây trụ sở UBND thị trấn, Điểm dân cư khu 5 và một số điểm nhỏ lẻ, xen kẽ trong các khu dân cư cũ để cải tạo chỉnh trang đô thị, phục vụ tái định cư, kết nối đồng bộ giao thông, hạ tầng kỹ thuật.

b) Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ:

Quy hoạch Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ, trong đó bao gồm: đất đơn vị ở tối đa 30% đất ở; còn lại bao gồm: đất dịch vụ - thương mại, giao thông, công cộng, công viên, cây xanh, sinh hoạt cộng đồng, hạ tầng kỹ thuật... phục vụ khu ở.

c) Đất cơ quan, trụ sở cấp đô thị:

- Giữ nguyên Trụ sở UBND thị trấn hiện trạng, diện tích 0,95ha.

- Điều chỉnh đất trụ sở UBND xã Thanh Khê cũ diện tích khoảng 0,55ha sang đất Giáo dục (trường mầm non).

d) Đất giáo dục:

- Quy hoạch mở rộng trường THCS Chu Văn An, diện tích mở rộng 0,79ha (bao gồm: 0,14ha của Trung tâm giáo dục thường xuyên và 0,65ha đất nông nghiệp giáp phía Nam trường).

- Quy hoạch đất giáo dục khu vực khu đô thị sinh thái Thanh Bình diện tích khoảng 1,15ha.

- Quy hoạch trường mầm non trung tâm khu vực xã Thanh Khê (trên diện tích UBND xã Thanh Khê hiện trạng), diện tích khoảng 0,55ha.

- Các cơ sở giáo dục phục vụ cho các đơn vị ở, nhóm ở quy hoạch mới sẽ được xác định trong quy hoạch chi tiết, bao gồm: Các trường trung học cơ sở; Trường tiểu học; Trường mầm non, mẫu giáo.

* Giữ nguyên quy mô các công trình giáo dục hiện có khác trong khu dân dụng.

đ) Đất dịch vụ công cộng đô thị:

- Đất Văn hóa: Giữ nguyên Nhà văn hóa trung tâm và Nhà văn hóa các khu dân cư hiện có; bổ sung quy hoạch mới Nhà văn hóa Khu 4, Khu 6, Khu 9 khu vực thôn An Lão (xã Thanh Khê).

- Đất Thể dục thể thao: Quy hoạch mở rộng Sân vận động xã Thanh Khê hiện trạng làm Sân vận động trung tâm của thị trấn (diện tích mở rộng 0,2ha). Tiếp tục duy trì, cải tạo sân thể thao trong các dân cư hiện có, bổ sung quy hoạch mới sân thể thao tại các khu dân cư.

- Đất Y tế: Giữ nguyên Trạm y tế thị trấn, Trạm y tế xã Thanh Khê hiện trạng.

e) Cây xanh đô thị:

Hệ thống đất cây xanh đô thị quy hoạch tại các vị trí trung tâm các khu ở, cải tạo các ao, hồ thành công viên cây xanh, tổng diện tích khoảng 12,25ha (giai đoạn đến năm 2030 đạt khoảng 6,13 m²/người, đến năm 2045 đạt khoảng 5,3m²/người). Bố trí như sau:

- Quy hoạch khu công viên Trung tâm tại Khu đô thị sinh thái Thanh Bình, diện tích khoảng 6ha;

- Quy hoạch khu công viên cây xanh tại các khu dân cư: Xuân An (diện tích khoảng 2,96ha), Khu 1 (diện tích khoảng 1,01ha), Khu 5 (03 vị trí, tổng diện tích khoảng 1,85ha).

f) Hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- Mở rộng bãi tập kết rác hiện trạng khu Đống Cao thêm 0,44ha.

- Quy hoạch Nhà tang lễ diện tích 0,46ha tại Khu Đống Cao.

- Quy hoạch mới Khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật tại khu vực thôn Đa Khê giáp nghĩa trang hiện trạng và sông Tranh, diện tích khoảng 0,89ha.

3.2. Đất ngoài dân dụng:

a) Sản xuất công nghiệp, kho tàng, cơ sở sản xuất kinh doanh:

Không phát triển công nghiệp và sản xuất kinh doanh, giữ nguyên diện

tích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp hiện trạng 0,04ha.

b) Trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu:

- Điều chỉnh đất Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện sang đất Giáo dục (mở rộng trường THPT Thanh Bình, mở rộng trường THCS Chu Văn An) và đất mở rộng đường giao thông.

- Quy hoạch mở rộng trường THPT Thanh Hà, diện tích mở rộng 0,13 ha.

- Quy hoạch mở rộng trường THPT Thanh Bình, diện tích mở rộng 0,63 ha.

c) Cơ quan, trụ sở ngoài đô thị:

- Quy hoạch mới Trung tâm hành chính mới của huyện, diện tích 3,32ha, vị trí phía Tây của Đài tưởng niệm (Cập nhật theo quy hoạch chi tiết Khu đô thị sinh thái Thanh Bình đã duyệt).

- Điều chỉnh đất trụ sở UBND huyện cũ diện tích khoảng 1,31 ha sang đất Dịch vụ thương mại (0,74ha) và đất Công cộng (0,57ha).

- Điều chỉnh đất Phòng Giáo dục và Đào tạo (khoảng 0,14ha), Phòng Tài chính - Kế hoạch (khoảng 0,1ha) sang đất Dịch vụ thương mại.

d) Dịch vụ, du lịch:

Quy hoạch chợ huyện và chuyển đổi chức năng sử dụng đất trụ sở cơ quan thành đất dịch vụ thương mại nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, gồm các khu chính sau:

- Quy hoạch khu vực dịch vụ - du lịch sinh thái Sông Hương.

- Quy hoạch khu dịch vụ - du lịch sinh Thái Đồng Mẩn.

- Quy hoạch chợ (mới) tại khu 7 và khu 8.

- Chuyển đổi mục đích khu vực trụ sở UBND huyện và huyện ủy thành đất dịch vụ thương mại và đất công cộng.

- Chuyển đổi mục đích khu vực: phòng giáo dục, phòng tài chính, khu ban chỉ huy quân sự (cũ) thành đất dịch vụ thương mại.

e) Trung tâm y tế, Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao:

- Quy hoạch mở rộng Trung tâm y tế huyện, diện tích mở rộng 1,37ha.

- Giữ nguyên quy mô nhà văn hóa trung tâm, đài phát thanh, thư viện huyện, quảng trường.

- Trung tâm văn hóa thể thao huyện: Hiện trạng đã có nằm ngoài khu vực quy hoạch (vị trí thuộc xã Cẩm Chế, quy mô đảm bảo theo Thông tư số 01/2017/TTBTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

f) Di tích, tôn giáo:

- Giữ nguyên quy mô các công trình tôn giáo, tín ngưỡng hiện trạng.

- Quy hoạch mở rộng chùa An Phúc (An Lão) thêm 0,37ha về phía Nam.

- Quy hoạch mở rộng đình Xuân An thêm 0,16ha về phía Bắc.

g) An ninh, quốc phòng:

- Giữ nguyên đất an ninh tại khu vực trụ sở công an Huyện cũ (quy

mô 0,26ha).

- Quy hoạch mới trụ sở công an thị trấn tại phía Nam của trụ sở UBND thị trấn hiện hữu, diện tích 0,24ha.

- Giữ nguyên hiện trạng khu vực đất quốc phòng thuộc khu 1.

- Chuyển đổi đất trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện cũ (thôn Xuân An, xã Thanh Khê) thành đất dịch vụ thương mại.

- Quy hoạch trụ sở quốc phòng phía Tây UBND thị trấn, diện tích 0,27ha.

i) Nghĩa trang, hạ tầng kỹ thuật khác:

- Nghĩa trang liệt sĩ: Giữ nguyên nghĩa trang liệt sĩ thị trấn và xã Thanh Khê như hiện trạng.

- Nghĩa trang nhân dân: Trong giai đoạn trước mắt tiếp tục duy trì và mở rộng một số nghĩa trang hiện có để phục vụ đáp ứng nhu cầu chôn cất của nhân dân, từng bước thực hiện đóng cửa để chôn cất tập trung tại 03 khu vực tập trung chính. Mở rộng diện tích nghĩa trang nhân dân tập trung của thị trấn thêm 6,45ha (Khu Đống Cao thêm 6,0ha; khu 9 thêm 0,45ha); Khu vực thôn Đa Khê thêm 0,48ha; Khu vực thôn An Lão thêm 0,33ha).

- Quy hoạch khu vực đầu mối hạ tầng kỹ thuật cấp vùng tại vị trí phía Đông của khu dân cư 4 thị trấn và giáp hành lang sông Hương theo nội dung quy hoạch vùng huyện, quy mô 3,42ha.

3.3. Khu nông nghiệp và chức năng khác:

- Sản xuất nông nghiệp: Tổng diện tích khoảng 341ha.

- Mặt nước, ao hồ: Tổng diện tích khoảng: 60,51ha.

Bảng tổng hợp cơ cấu quy hoạch sử dụng đất

TT	LOẠI ĐẤT	D.tích hiện trạng (ha)	Quy hoạch đến năm 2030		Quy hoạch đến năm 2045	
			D.tích (ha)	Tỷ lệ (%)	D.tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	903,07	903,07		903,07	
	DIỆN TÍCH ĐẤT XÂY DỰNG (A+B)	359,20	465,89	100,00	500,79	100,00
A	Đất dân dụng	284,94	340,16	73,01	359,47	71,78
1	Nhóm Nhà ở	236,91	267,38	57,39	275,43	55,00
<i>a</i>	<i>Đất ở hiện trạng</i>	<i>236,91</i>	<i>232,34</i>	<i>49,87</i>	<i>230,84</i>	<i>46,10</i>
<i>b</i>	<i>Khu vực đang thực hiện theo dự án đã lựa chọn nhà đầu tư</i>	<i>0,00</i>	<i>12,66</i>	<i>2,72</i>	<i>12,66</i>	<i>2,53</i>
<i>c</i>	<i>Đất ở quy hoạch mới</i>	<i>0,00</i>	<i>22,38</i>	<i>4,80</i>	<i>31,93</i>	<i>6,37</i>
2	Hỗ trợ nhóm nhà ở và dịch vụ	0,00	1,54	0,33	1,54	0,31
	<i>Trong đó đất ở chiếm 25%</i>				<i>0,39</i>	
3	Đất giáo dục	6,49	8,98	1,93	8,98	1,79
4	Dịch vụ - công cộng đô thị (VH, YT, TDTT, Viễn thông năng lượng, chợ, DVTM đô thị)	8,82	11,68	2,51	12,67	2,53
5	Cơ quan, trụ sở cấp đô thị	2,17	1,62	0,34	1,62	0,32
6	Đất cây xanh đô thị.	0,00	11,24	2,41	12,25	2,45

7	Giao thông đô thị	30,22	36,33	7,80	44,69	8,92
8	Hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	0,33	1,39	0,30	2,29	0,46
B	Đất ngoài dân dụng	74,26	125,73	26,99	141,32	28,22
1	Đất công nghiệp, kho tàng, CS-SX phi NN	0,04	0,04	0,01	0,04	0,01
2	Đất kho tàng, bến bãi	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00
3	Trung tâm giáo dục, đào tạo, nghiên cứu	1,26	1,22	0,26	1,22	0,24
a	<i>Hiện trạng</i>	1,26	0,46	0,10	0,46	0,09
b	<i>Quy hoạch</i>	0,00	0,76	0,16	0,76	0,15
4	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	3,98	7,47	1,60	5,80	1,16
a	<i>Hiện trạng</i>	3,98	3,74	0,80	2,07	0,41
b	<i>Quy hoạch</i>	0,00	3,73	0,80	3,73	0,75
5	Dịch vụ, du lịch	2,00	24,19	5,19	25,44	5,08
6	Trung tâm y tế	1,83	3,20	0,69	3,20	0,64
7	Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	1,35	1,35	0,29	1,35	0,27
8	Cây xanh sử dụng hạn chế, CX cách ly	0,00	0,00	0,00	0,98	0,20
9	Cây xanh chuyên dụng (nếu có)	0,00	7,20	1,55	7,20	1,44
10	Di tích, tôn giáo, tín ngưỡng	3,26	3,79	0,81	3,79	0,76
11	Đất quốc phòng	1,76	1,71	0,37	1,71	0,34
a	<i>Hiện trạng</i>	1,76	1,44	0,31	1,44	0,29
b	<i>Quy hoạch</i>	0,00	0,27	0,06	0,27	0,05
12	Đất an ninh	0,26	0,50	0,11	0,50	0,10
13	Hạ tầng kỹ thuật khác	15,27	15,27	3,28	18,69	3,73
14	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	8,34	15,53	3,33	15,60	3,11
15	Giao thông đối ngoại, đường nội đồng	34,91	44,26	9,50	55,80	11,14
C	Khu nông nghiệp và chức năng khác	543,87	437,18		402,28	
1	Sản xuất nông nghiệp	466,33	369,36		341,77	
3	Hồ, ao, đầm, Sông, suối, kênh, rạch	77,54	67,82		60,51	

4. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

4.1. *San nền*: Định hướng cao độ san nền các khu vực quy hoạch phù hợp đồng bộ theo cao độ đường giao thông và khu vực dân cư hiện trạng; cao độ thiết kế san nền từ +2,40m đến +2,60m.

4.2. *Hệ thống giao thông*:

- Giao thông đối ngoại (trục chính đô thị, đường chính đô thị, đường liên khu vực):

+ ĐT.390 (M/C A-A): quy mô lộ giới 33,0m, mặt đường 2x11m, giải phân cách giữa 1,0m, vỉa hè mỗi bên 5m.

+ ĐT.390B (M/C A'-A'): quy mô lộ giới 22,0m, mặt đường 12m, vỉa hè mỗi bên 5m.

+ Đường tránh ĐT.390B (phía Đông thị trấn) (M/C B-B): quy mô lộ giới 42,0m, mặt đường 2x14,75m, giải phân cách giữa 2,5m, vỉa hè mỗi bên 5m.

+ Đường kết nối vành đai I thành phố Hải Dương với huyện Kim Thành (M/C C-C): quy mô lộ giới 45,0m, nền đường 12m, hành lang giao thông mỗi bên rộng 16,5m.

+ Đường huyện: Thị trấn Thanh Hà - Thanh Khê; Hồng Lạc - Cẩm Chế kéo dài: Đối với đoạn qua khu dân cư hiện trạng quy mô $B_n=19,0m$; $B_m = 9,0m$, vỉa hè rộng $2 \times 5m$ (M/C 1'-1'). Đối với đoạn qua khu vực quy hoạch mới nằm ngoài khu dân cư, lộ giới $32,0m$, $B_n = 9,0m$ (M/C 1-1).

Đối với đường gom các tuyến đường tỉnh lộ: Được định hướng quy hoạch 2 bên đường theo quy định chuyên ngành. Vị trí, quy mô được xác định cụ thể ở bước chấp thuận chủ trương đầu tư. Trong trường hợp khi qua khu dân cư hiện trạng mà không còn quỹ đất, khó khăn về mặt bằng, có thể xem xét bố trí đường gom nằm một phần trong hành lang an toàn đường bộ, tuy nhiên phải được cơ quan quản lý có thẩm quyền thỏa thuận, thống nhất theo quy định.

Hướng tuyến, quy mô, mặt cắt cụ thể của các tuyến đường giao thông chính sẽ được xác định cụ thể ở bước lập quy hoạch chi tiết (nếu có) hoặc dự án đầu tư, thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định pháp luật chuyên ngành để đảm bảo tính khả thi thực hiện quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng các tuyến đường.

- Giao thông nội thị (đường chính khu vực, đường khu vực, phân khu vực):

Quy hoạch các tuyến đường phân khu vực với quy mô mặt cắt từ $8,5m$ (đường cải tạo) đến $33,0m$. Các tuyến đường giao thông trong khu vực dân cư hiện hữu thực hiện cải tạo, mở rộng, chỉnh trang đô thị.

- Cầu: Quy hoạch cầu mới vượt sông Hương ở phía Đông Bắc thị trấn và một số cầu khác vượt sông Tranh.

- Giao thông tỉnh: Bến xe khách hiện trạng nằm ở phía Đông thị trấn. Dự kiến việc quy hoạch mở rộng bến xe trên phần đất xã Thanh Xá do khu vực thị trấn không còn quỹ đất.

4.3. Hệ thống cấp điện:

Nguồn điện trung áp $35kV$ cấp cho thị trấn Thanh Hà thuộc lộ 372-E8.13, từ trạm 110 Thanh Thủy - Thanh Hà; xây mới và cải tạo các trạm biến áp hiện có để đảm bảo nhu cầu sử dụng.

4.4. Hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước từ trạm cấp nước xã Thanh Hải, trạm cấp nước xã Thanh Sơn.

- Công suất cấp nước có thể được điều chỉnh theo nhu cầu thực tế để phục vụ sản xuất, sinh hoạt, được xác định ở các bước tiếp theo, đảm bảo phù hợp, hiệu quả.

- Mạng lưới đường ống cấp nước phân phối từ $D110$ trở lên, ống dịch vụ từ $D32$ trở lên. Ống cấp nước được đi ngầm dưới vỉa hè, đường giao thông (hiện trạng, quy hoạch), hạ tầng kỹ thuật, đất nông nghiệp, đường nội đồng... phù hợp với hiện trạng. Vị trí, hướng tuyến, kích thước đường ống cấp nước được xác định bước lập quy hoạch chi tiết (nếu có) hoặc dự án đầu tư, thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định pháp luật chuyên ngành để đảm bảo tính

khả thi thực hiện quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng.

4.5. Thoát nước mặt:

Hệ thống thoát nước mưa của thị trấn được chia làm 3 lưu vực chính:

- Lưu vực 1 (khu vực phía tây Bắc): Phạm vi giới hạn bởi đường tỉnh 390, 390B đến xã Tân An, thoát ra sông Hương và sông Bái.

- Lưu vực 2 (khu vực phía Đông Bắc): Phạm vi giới hạn bởi đường tỉnh 390, 390B và hành lang đê sông Hương, thoát ra sông Hương.

- Lưu vực 3: Phạm vi giới hạn bởi đường tỉnh 390 đến sông Tranh, thoát ra sông Tranh.

- Lưu vực 4: Phạm vi giới hạn bởi sông Tranh đến đường thôn Đa Khê, thoát ra sông Tranh

- Lưu vực 5: Phạm vi giới hạn bởi đường kết nối Vành đai I TP Hải Dương - Kim Thành đến hết phần ranh giới quy hoạch tại khu vực phía Nam, thoát ra sông thủy nông (giáp xã Thanh Sơn).

- Hệ thống đường ống, công thoát nước được bố trí ngầm dưới vỉa hè, đường giao thông (hiện trạng, quy hoạch), hạ tầng kỹ thuật, đất nông nghiệp, đường nội đồng... phù hợp với hiện trạng. Vị trí, hướng tuyến, kích thước đường ống cấp nước được xác định bước lập quy hoạch chi tiết (nếu có) hoặc dự án đầu tư, thiết kế được cấp có thẩm quyền phê duyệt và quy định pháp luật chuyên ngành để đảm bảo tính khả thi thực hiện quy hoạch, dự án đầu tư xây dựng.

4.6. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Hệ thống thoát nước thải thiết kế độc lập với hệ thống thoát nước mặt.

- Quy hoạch 01 trạm xử lý nước thải công suất 5.000m³/ngđ (xử lý nước thải cho Thị trấn Thanh Hà, xã Thanh Khê, xã Thanh Xá và xã Thanh Thủy) tại khu đất hạ tầng phía Đông.

- Quy hoạch 01 trạm xử lý nước thải công suất 1.000m³/ngđ nằm ở phía Đông Nam sông Tranh, phục vụ cho khu vực và 1 trạm xử lý nước thải riêng cho khu đô thị Thanh Bình công suất 600m³/ngđ.

- Công suất các trạm xử lý nước thải có thể điều chỉnh theo tính toán nhu cầu thực tế trong bước thực hiện các dự án cụ thể, đảm bảo nhu cầu phục vụ.

- Các khu dân cư, khu đô thị mới thu gom, xử lý theo quy hoạch, dự án riêng hoặc xử lý tập trung tại Khu xử lý của thị trấn (sau khi được đầu tư xây dựng hoàn thành) phù hợp theo thực tế và quy định về bảo vệ môi trường.

- Chất thải rắn đô thị phải được phân loại tại nguồn thải thành các chất hữu cơ và vô cơ trước khi thu gom, vận chuyển đến bãi tập kết rác của thị trấn tại khu Đống Cao, xử lý tại Khu xử lý rác thải Việt Hồng.

4.7. Hệ thống thông tin: Quy hoạch, xây dựng theo hệ thống giao thông.

4.8. Giải pháp bảo vệ môi trường: Các dự án đầu tư xây dựng trong quy hoạch khi được triển khai xây dựng sẽ được thực hiện đánh giá môi trường theo

quy định của Luật bảo vệ môi trường.

5. Quy định quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch:

Nội dung chi tiết tại Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch được phê duyệt kèm theo do Trung tâm quy hoạch đô thị và nông thôn - Sở Xây dựng Hải Dương lập, Sở Xây dựng thẩm định kèm theo.

(Chi tiết theo hồ sơ quy hoạch kèm theo)

III. Nội dung liên quan

1. UBND huyện Thanh Hà, đơn vị tư vấn lập quy hoạch chịu trách nhiệm về: trình tự, thủ tục lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch và các bước tổ chức lập quy hoạch theo quy định; việc tổ chức lấy kiến quy hoạch, tiếp thu, giải trình; tính chính xác về ranh giới, hiện trạng sử dụng đất, các số liệu, tài liệu trong hồ sơ quy hoạch trình; đánh giá về các dự án đầu tư xây dựng, trong đó có các dự án nhà ở, khu dân cư đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn phù hợp với các định hướng liên quan tại Quy hoạch cấp quốc gia, Quy hoạch tỉnh, phù hợp với quy hoạch kế hoạch sử dụng đất đang triển khai lập; rà soát kiểm tra các quy hoạch, dự án đầu tư đảm bảo phù hợp các cấp độ quy hoạch (quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết), không để xảy ra các chồng chéo, tranh chấp, khiếu kiện trong quá trình triển khai.

2. Giao UBND huyện Thanh Hà:

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử Cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh Hải Dương tại địa chỉ <http://quyhoach.haiduong.gov.vn>.

- Tổ chức triển khai cắm mốc giới và quản lý xây dựng theo quy hoạch đảm bảo đúng quy định; quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn huyện đảm bảo theo đúng quy định, tránh tình trạng lấn chiếm, vi phạm quy hoạch.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch đồng bộ với việc đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong khu vực quy hoạch; ưu tiên bố trí vốn đầu tư xây dựng các khu công viên cây xanh, công cộng theo quy hoạch.

- Lập quy chế quản lý kiến trúc đô thị, lập Chương trình phát triển đô thị, đề án phân loại đô thị theo tiêu chí đô thị loại V trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, công nhận.

- Xác định, đề xuất (hoặc phối hợp đề xuất) các dự án đầu tư xây dựng trong phạm vi lập quy hoạch; khi đề xuất thực hiện các dự án đầu tư, đầu tư xây dựng có trách nhiệm xác định ranh giới và quy mô các dự án, phạm vi đầu tư khớp nối các công trình hạ tầng kỹ thuật, đề xuất và tổ chức (hoặc phối hợp) thi tuyển kiến trúc công trình đối với các công trình thuộc diện phải thi tuyển theo quy định của Luật Kiến trúc.

- Tổ chức rà soát lập (hoặc phối hợp lập), thẩm định và phê duyệt các quy hoạch chi tiết đô thị trong ranh giới khu vực quy hoạch chung được phê duyệt theo quy định. Các chỉ tiêu trong đồ án quy hoạch chi tiết phải phù hợp với quy hoạch chung được phê duyệt và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng hiện hành.

- Việc tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phải phù hợp với quy hoạch chung đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chương trình phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà của tỉnh, địa phương, các chủ trương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và được sự thỏa thuận, thống nhất (bằng văn bản) của các đơn vị có liên quan đảm bảo tuân thủ đúng quy định.

3. Giao Sở Xây dựng:

Hướng dẫn, quản lý, giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện quy hoạch đảm bảo đồng bộ, phù hợp các cấp độ quy hoạch, phù hợp với chương trình phát triển đô thị, chương trình kế hoạch phát triển nhà ở của tỉnh và của địa phương, đảm bảo phù hợp các quy định của pháp luật.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Kho bạc nhà nước tỉnh; Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thanh Hà và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c)
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm QHĐT&NT - Sở Xây dựng;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Minh (08b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lưu Văn Bản